

ĐỘNG TỪ 能

NĂNG NGUYÊN 能

ĐÚC KẾT CÔNG THỨC

1. 能快递吗?

Néng kuàidì ma?

2. 我很能吃。

Wǒ hěn néng chī.

3. 我看今天他不能来了。

Wǒ kàn jīntiān tā bù néng lái le.

